

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý I năm 2013**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	02-23
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07-23

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		680.530.903.380	690.933.424.399
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.538.679.420	16.067.856.983
111	1. Tiền		16.938.679.420	10.067.856.983
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.600.000.000	6.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.480.000.000	1.865.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.480.000.000	1.865.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.682.999.073	211.918.084.373
131	1. Phải thu của khách hàng		129.473.768.398	155.827.042.830
132	2. Trả trước cho người bán		33.023.969.045	20.888.504.280
135	5. Các khoản phải thu khác	5	35.624.340.630	35.641.616.263
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(439.079.000)	(439.079.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	401.901.403.121	410.388.459.033
141	1. Hàng tồn kho		401.901.403.121	410.388.459.033
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		57.927.821.766	50.694.024.010
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		15.000.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		489.133.187	1.780.180.479
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	57.423.688.579	48.913.843.531
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.679.773.986	17.116.419.338
220	II. Tài sản cố định		6.579.070.420	6.738.178.025
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.719.016.104	1.878.123.709
222	- Nguyên giá		6.267.303.626	6.237.303.626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.548.287.522)	(4.359.179.917)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.860.054.316	4.860.054.316
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	9.468.952.639	9.468.410.679
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.858.952.639	1.858.410.679
258	3. Đầu tư dài hạn khác		7.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		631.750.927	909.830.634
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	625.114.270	909.830.634
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.2	6.636.657	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		697.210.677.366	708.049.843.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 03 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		524.224.336.323	534.952.693.671
310	I. Nợ ngắn hạn		524.224.336.323	534.952.693.671
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	177.878.337.233	163.986.337.233
312	2. Phải trả người bán		107.263.452.116	119.226.027.978
313	3. Người mua trả tiền trước		66.228.772.705	48.960.714.622
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	8.523.260.232	9.571.844.577
315	5. Phải trả người lao động		142.273.164	121.428.000
316	6. Chi phí phải trả	14	6.625.286.951	6.923.923.313
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	153.246.276.113	180.739.221.580
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		3.387.607.372	3.387.607.372
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		929.070.437	2.035.588.996
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.776.250.808	162.912.356.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	163.776.250.808	162.912.356.887
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.902.318.371	30.726.479.865
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.806.013.631	8.739.874.069
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.068.478.806	23.446.562.953
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ		9.210.090.235	10.184.793.179
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		697.210.677.366	708.049.843.737

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý I năm 2013

CHỈ TIÊU

Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
-------------	------------	------------

5. Ngoại tệ các loại

83,79

83,76

24/11



Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng

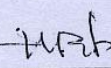
Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013 VND	Quý I năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	42.590.080.508	99.437.465.104
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.590.080.508	99.437.465.104
11	4. Giá vốn hàng bán	18	38.148.575.353	89.054.893.384
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.441.505.155	10.382.571.720
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.725.899.813	8.366.590.945
22	7. Chi phí tài chính	20	2.933.047.092	5.221.435.868
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.933.047.092	5.221.435.868
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.077.289.821	9.401.393.168
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.157.068.055	4.126.333.629
31	11. Thu nhập khác		173.719.290	951.505.740
32	12. Chi phí khác		-	52.785
40	13. Lợi nhuận khác		173.719.290	951.452.955
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		541.960	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.331.329.305	5.077.786.584
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	339.333.494	933.581.106
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	21.2	(6.636.657)	148.378.737
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		998.632.468	3.995.826.741
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		63.725.389	36.114.248
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		934.907.079	3.959.712.493
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		93	396

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013 VND	Quý I năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh		85.571.259.106	150.127.522.563
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(90.502.162.724)	(169.771.692.074)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.909.204.916)	(10.601.227.265)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.998.945.334)	(5.044.617.868)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.444.487.902)	(6.996.235.091)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.161.060.922
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.185.408.322)	(21.226.426.174)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.468.950.092)	(61.351.524.987)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.000.000)	(10.900.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(540.000.000)	(32.115.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		320.000.000	25.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(4.940.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		155.000.000	4.940.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.692.772.529	7.506.602.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.597.772.529	880.702.068
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		34.735.000.000	89.091.491.200
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.393.000.000)	(25.379.441.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		13.342.000.000	63.712.049.400
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.470.822.437	3.241.226.481
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		16.067.856.983	17.640.559.190
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	20.538.679.420	20.881.785.671

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởngVương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.999.440.000 đồng; tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	P603 Tòa nhà 159, Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 14, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	7.571.014.291	2.038.048.788
Tiền gửi ngân hàng	9.367.665.129	8.029.808.195
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.600.000.000	6.000.000.000
	20.538.679.420	16.067.856.983

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho tổ chức, cá nhân vay	2.480.000.000	1.865.000.000
	2.480.000.000	1.865.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	102.665.000	69.537.716
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	926.112.667	1.183.286.137
Phải thu khác	2.112.562.963	1.905.792.410
	35.624.340.630	35.641.616.263

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	401.901.403.121	410.388.459.033
	401.901.403.121	410.388.459.033

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	57.423.688.579	48.913.843.531
	57.423.688.579	48.913.843.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	278.981.819	5.025.216.027	933.105.780	6.237.303.626
Số tăng trong kỳ	-	-	30.000.000	30.000.000
- Mua sắm mới	-	-	30.000.000	30.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	278.981.819	5.025.216.027	963.105.780	6.267.303.626
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	56.514.850	3.491.942.829	810.722.238	4.359.179.917
Số tăng trong kỳ	-	140.903.121	48.204.484	189.107.605
- Trích khấu hao	-	140.903.121	48.204.484	189.107.605
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	56.514.850	3.632.845.950	858.926.722	4.548.287.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	222.466.969	1.533.273.198	122.383.542	1.878.123.709
Số dư cuối kỳ	222.466.969	1.392.370.077	104.179.058	1.719.016.104

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.860.054.316	4.860.054.316
- Dự án 123 Tô Hiệu	4.163.437.500	4.163.437.500
- Dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng	696.616.816	696.616.816
	4.860.054.316	4.860.054.316

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.858.952.639	1.858.410.679
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	1.858.952.639	1.858.410.679
Đầu tư dài hạn khác	7.610.000.000	7.610.000.000
	9.468.952.639	9.468.410.679

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Thành phố Hà Nội	20.00%	20.00%	Đầu tư, xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko Việt Nam ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	7.610.000.000	7.610.000.000

(1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.

(2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	27.240.564	54.562.506
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	588.672.743	836.863.844
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	9.200.963	18.404.284
	625.114.270	909.830.634

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	177.878.337.233	163.986.337.233
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	121.890.384.933	114.569.384.933
- Vay đối tượng khác	55.987.952.300	49.416.952.300
	177.878.337.233	163.986.337.233

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.659.666.875	3.225.880.970
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.836.783.253	5.941.937.661
Thuế Thu nhập cá nhân	26.810.104	404.025.946
	8.523.260.232	9.571.844.577

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	6.625.286.951	6.803.923.313
Trích trước Chi phí thuê văn phòng	-	120.000.000
	<u>6.625.286.951</u>	<u>6.923.923.313</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	88.649.314	57.690.208
Bảo hiểm xã hội	122.019.063	47.058.118
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	391.989.131	391.989.131
Phải trả các đội chi phí các dự án, các công trình	89.294.768.052	118.917.302.442
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	15.646.500.000	15.646.500.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.110.254.751	2.110.254.751
Phải trả tiền thuê chuyển nhượng bất động sản	-	465.906.560
Phải trả tiền lãi vay vốn	3.543.515.786	2.609.414.028
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	-	687.684.800
Phải trả khác về các dự án	2.342.079.600	2.278.359.600
Phải trả, phải nộp khác	4.114.372.780	1.934.934.306
	<u>153.246.276.113</u>	<u>180.739.221.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý I năm 2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	99.999.440.000	30.726.479.865	8.739.874.069	23.446.562.953	162.912.356.887
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	934.907.079	934.907.079
Trích lập các quỹ	-	175.838.506	66.139.562	(312.991.226)	(71.013.158)
Số dư cuối kỳ	99.999.440.000	30.902.318.371	8.806.013.631	24.068.478.806	163.776.250.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Tổng Công ty HUD	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	49,00%	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000
	100%	99.999.440.000	100%	99.999.440.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	99.999.440.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	99.999.440.000	99.999.440.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	99.999.440.000	99.999.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.999.860.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	24.999.860.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.902.318.371	30.726.479.865
Quỹ dự phòng tài chính	8.806.013.631	8.739.874.069
	39.708.332.002	39.466.353.934

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2013 VND	Quý I năm 2012 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	8.409.401.100	44.143.104.660
Doanh thu hoạt động xây lắp	29.466.946.364	51.161.170.000
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	-	810.050.002
Doanh thu hoạt động thương mại	4.713.733.044	3.323.140.442
	42.590.080.508	99.437.465.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	6.502.041.598	37.103.756.906
Giá vốn hoạt động xây lắp	27.556.084.236	48.737.135.007
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	-	372.213.533
Giá vốn hoạt động thương mại	4.090.449.519	2.841.787.938
	<u>38.148.575.353</u>	<u>89.054.893.384</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	3.725.899.813	7.616.590.945
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	750.000.000
	<u>3.725.899.813</u>	<u>8.366.590.945</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.933.047.092	5.221.435.868
	<u>2.933.047.092</u>	<u>5.221.435.868</u>

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**21.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	339.333.494	933.581.106
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>339.333.494</u>	<u>933.581.106</u>

21.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.636.657	-
	<u>6.636.657</u>	<u>-</u>
	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(6.636.657)	148.378.737
	<u>(6.636.657)</u>	<u>148.378.737</u>

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	934.907.079	3.959.712.493
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	934.907.079	3.959.712.493
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.999.944	9.999.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	93	396

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	19.041.751.818	34.834.383.636
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	-	4.427.110.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	(*)	3.628.690.909	4.882.531.818
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí	(*)	-	673.548.182
- Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	(*)	-	2.193.660.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	(**)	1.551.800.909	727.114.545

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/03/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền hàng			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	53.311.228.348	61.446.976.557
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	6.928.666.000	6.928.666.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị số 9	(*)	882.661.600	882.661.600
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	(*)	13.099.843.550	11.434.645.550
- Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	(*)	5.077.248.200	6.077.248.200
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí	(*)	1.350.583.538	1.350.583.538
- Công ty CP Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang	(*)	323.490.000	323.490.000
Ứng trước cho người bán			
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	(**)	11.088.621.360	7.330.699.360
Phải trả tiền hàng			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	42.489.844.318	46.533.165.736
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	(**)	4.644.242.380	4.772.339.380
Khách hàng ứng trước			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	30.007.753.143	25.941.629.974
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2	(*)	1.248.319.600	748.319.600
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	375.909.000	375.909.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8	(*)	10.309.376.000	-

(*): Các Công ty này và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 đều là công ty con của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị.

(**): Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1 là Công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý I năm 2013

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012 của Công ty.

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng

Vương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2013